
**Lãi suất LNH**
**Trái phiếu**

Kỳ hạn	VND		USD		Kỳ hạn	Lợi suất	
	D/D	D/D	D/D	D/D		Lợi suất	D/D
ON	0.54	0.11	0.90	0.00	3Y	2.07	-0.005
1W	1.36	0.03	1.00	0.01	5Y	2.38	0.007
2W	1.76	-0.05	1.09	0.01	7Y	2.88	0.034
1M	2.14	-0.04	1.19	0.00	10Y	3.14	0.011
2M	2.34	-0.02	1.25	0.01	15Y	3.31	0.032
3M	2.45	-0.01	1.39	0.01			
6M	2.66	-0.05	1.60	0.03			
9M	2.78	-0.03	1.69	0.02			
1Y	2.91	-0.03	1.79	0.01			

Nguồn: Reuters

**Giao dịch mua kỳ hạn trên OMO (tỷ đ)**

Ngày	Phiên	Kỳ hạn (ngày)	Lãi suất (%)	KL gọi thầu	KL trúng	KL đến hạn	Bơm/hút ròng	KL lưu hành
01-06-22	1	14	2.50	10,000	-	248.36	-	248.36
31-05-22	1	14	2.50	10,000	360.39	-	360.39	2,871.33
30-05-22	1	14	2.50	10,000	195.66	-	195.66	2,510.94

**Thị trường TPCP sơ cấp**

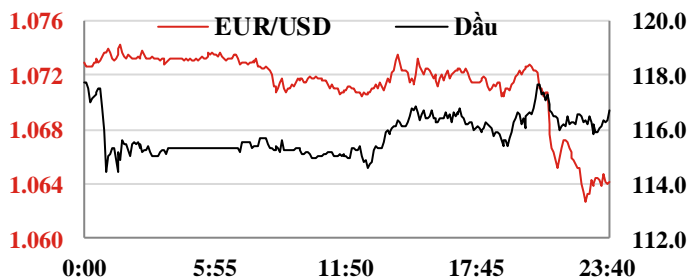
đơn vị: tỷ đồng

TCPH	Ngày DT	Kỳ hạn	KL gọi thầu	KL trúng thầu	LS trúng thầu	Thay đổi
MOF	1-Jun-22	10	2000	1500	2.37%	0.03%
MOF	1-Jun-22	15	2000	1500	2.67%	0.03%
MOF	1-Jun-22	20	500	40	2.75%	0.00%
<b>Tổng</b>			<b>4500</b>	<b>3040</b>		

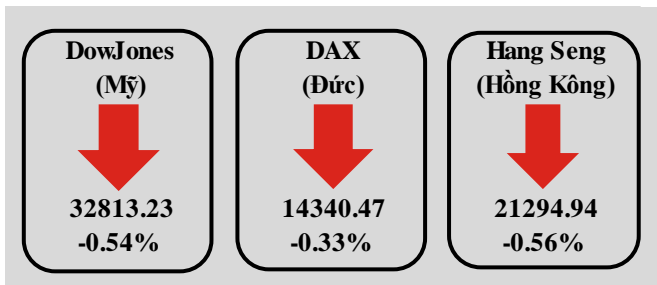
	VN-Index	HNX-Index	Upcom
Điểm	1299.52	315.37	95.10
%/ngày	0.53%	-0.12%	-0.37%
%/31/12/2021	-13.27%	-33.5%	-15.6%
KLGD (tr.d.v)	573.63	69.93	42.0
GTGD (tỷ đ)	16049.22	1750.99	891.25
NĐINN mua (tỷ đ)	1785.86	65.99	2.39
NĐINN bán (tỷ đ)	1187.53	9.46	0.16

**Tin trong nước ngày 01/06**

- Thị trường ngoại tệ:** Phiên 01/06, NHNN niêm yết tỷ giá trung tâm ở mức 23.060 VND/USD, tăng nhẹ 03 đồng so với phiên trước đó. Tỷ giá mua giao ngay và tỷ giá bán kỳ hạn 3 tháng được giữ nguyên niêm yết lần lượt ở mức 22.550 VND/USD và 23.250 VND/USD. Trên thị trường LNH, tỷ giá chốt phiên với mức 23.199 VND/USD, tăng 08 đồng so với phiên 31/05. Tỷ giá trên thị trường tự do giảm nhẹ 10 đồng ở chiều mua vào trong khi giữ nguyên ở chiều bán ra, giao dịch tại 23.820 VND/USD và 23.920 VND/USD.
- Thị trường tiền tệ LNH:** Ngày 01/06, lãi suất chào bình quân LNH VND tăng 0,03 – 0,11 đpt ở các kỳ hạn ngắn trong khi giảm 0,04 – 0,05 đpt ở các kỳ hạn 2W và 1M so với phiên trước đó, cụ thể: ON 0,54%; 1W 1,36%; 2W 1,76% và 1M 2,14%. Lãi suất chào bình quân LNH USD đi ngang ở các kỳ hạn ON và 1M trong khi tăng 0,01 đpt ở các kỳ hạn còn lại; giao dịch tại: ON 0,90%; 1W 1,0%; 2W 1,09%, 1M 1,19%. Lợi suất TPCP trên thị trường thứ cấp tăng ở hầu hết các kỳ hạn ngoại trừ giảm ở kỳ hạn 3Y, cụ thể: 3Y 2,07%; 5Y 2,38%; 7Y 2,88%; 10Y 3,14%; 15Y 3,31%.
- Nghiệp vụ thị trường mở:** Phiên hôm qua, NHNN chào thầu 10.000 tỷ đồng trên kênh cầm cố với kỳ hạn 14 ngày, lãi suất 2,50%. Không có khối lượng trúng thầu trong khi có 248,36 tỷ đồng đảo hạn ở phiên hôm qua. Như vậy, NHNN hút ròng 248,36 tỷ đồng từ thị trường, đưa khối lượng lưu hành trên kênh cầm cố giảm xuống mức 2.622,97 tỷ đồng.
- Thị trường trái phiếu:** Ngày 01/06, KBNN huy động thành công 3.040/4.500 tỷ đồng TPCP gọi thầu (tỷ lệ trúng thầu 68%). Trong đó, kỳ hạn 10 năm huy động được 1.500/2.000 tỷ đồng, kỳ hạn 15 năm huy động 1.500/2.000 tỷ đồng, kỳ hạn 20 năm huy động 40/500 tỷ đồng. Lãi suất trúng thầu các kỳ hạn lần lượt tại 2,37%/năm (+0,03%); 2,67%/năm (+0,03%); 2,75%/năm (không đổi).
- Thị trường chứng khoán:** Hôm qua, sau khi giảm điểm phiên sáng, nhóm cổ phiếu blue-chips dẫn dắt nhịp “phản công” cuối ngày, đẩy nhiều cổ phiếu phục hồi và VN-Index đảo chiều tăng điểm. Kết thúc phiên giao dịch, VN-Index tăng 6,84 điểm (+0,53%) lên 1.299,52 điểm; HNX-Index giảm 0,39 điểm (-0,12%) xuống mức 315,37 điểm; UPCOM-Index giảm 0,35 điểm (-0,37%) còn 95,10 điểm. Thanh khoản thị trường giảm nhẹ so với phiên trước đó với tổng giá trị giao dịch đạt gần 18.700 tỷ VND. Khối ngoại mua ròng khoảng 660 tỷ đồng trên cả 3 sàn.
- Ngày 01/06/2022, liên Bộ Tài chính - Công Thương quyết định điều chỉnh giá bán lẻ xăng dầu định kỳ.** Cụ thể, giá bán các mặt hàng xăng dầu tiêu dùng phổ biến trên thị trường như sau: Xăng E5RON92 không cao hơn 30.230 đồng/lít (tăng 600 đồng/lít so với trước đó); Xăng RON95-III 31.570 đồng/lít (tăng 920 đồng/lít); Dầu diesel 0.05S 26.390 đồng/lít (tăng 840 đồng/lít); Dầu hỏa 25.340 đồng/lít (tăng 940 đồng/lít); Dầu mazut 180CST 3.5S không cao hơn 20.900 đồng/kg (tăng 310 đồng/kg so với trước đó).



	1 Jun 22	Ngày (%)	Tuần (%)	Đầu năm (%)
USD index	102.50	0.73%	0.43%	6.80%
USD/CNY	6.69	0.21%	-0.09%	5.25%
USD/EUR	0.94	0.82%	0.32%	6.78%
USD/JPY	130.11	1.11%	2.20%	13.06%
USD/KRW	1246.89	0.37%	-1.54%	4.96%
USD/SGD	1.37	0.37%	-0.03%	1.88%
USD/TWD	29.22	0.66%	-0.99%	5.44%
USD/THB	34.35	0.15%	0.20%	3.37%
USD/VND Trung tâm	23060	0.01%	-0.19%	-0.37%
USD/VND LNH	23199	0.03%	0.00%	1.77%
USD/VND tự do	23820	-0.04%	-0.13%	1.58%
Vàng	1845.55	0.46%	-0.39%	0.94%
Dầu	115.26	0.51%	4.47%	53.25%



Kỳ hạn	LIBOR		SIBOR	
	USD	TĐ	USD	TĐ
ON	0.8191	-0.0029		
1M	1.1197	-0.0002	1.1139	0.0011
3M	1.6260	0.0153	1.3379	0.0000
6M	2.1093	0.0033	0.8211	0.0000
1Y	2.7754	0.0354		

Số liệu ngày SIBOR 31/05/2022

### Lãi suất cơ bản các Ngân hàng Trung Ương

NHTW	Đồng tiền	Kỳ trước	Kỳ này	Ngày thay đổi	Cuộc họp tới
Mỹ	USD	0,50%	1,0%	05/05/2022	14/06/2022
Châu Âu	EUR	0,05%	0,00%	10/02/2016	09/06/2022
Anh	GBP	0,75%	1,0%	05/05/2022	16/06/2022
Nhật	JPY	0,10%	-0,10%	28/01/2016	16/06/2022
Australia	AUD	0,25%	0,35%	03/05/2022	07/06/2022

Nguồn: TCTK, NHNN, Hose, HNX, Thomson-Reuters, MSBResearch

## Tin quốc tế

- Nước Mỹ ghi nhận một số thông tin kinh tế tích cực.** Đầu tiên, Viện Quản lý Cung ứng Mỹ ISM khảo sát PMI lĩnh vực sản xuất của nước này ở mức 56,1% trong tháng 5, tăng nhẹ từ 55,4% của tháng 4 và trái với dự báo giảm xuống còn 54,4%. Mặc dù vậy, đây vẫn là tháng ghi nhận mức PMI thấp thứ 2 kể từ tháng 09/2020. Các công ty vẫn đang tỏ ra thận trọng trước những rủi ro địa chính trị và kế hoạch thắt chặt CSTT của Fed. Tiếp theo, ở lĩnh vực lao động, nước Mỹ tạo ra 11,40 triệu cơ hội việc làm mới trong tháng 5, thấp hơn mức 11,86 triệu của tháng 4 nhưng vẫn tích cực hơn một chút so với mức 11,29 triệu theo dự báo. Nhìn chung, thị trường lao động của Mỹ đang ở trạng thái khỏe mạnh, là yếu tố hỗ trợ để Fed nâng LSCS trong nửa cuối năm 2022.
- Lĩnh vực sản xuất tại Eurozone đang gặp khó khăn.** IHS Markit cho biết PMI lĩnh vực sản xuất tại Eurozone chính thức đạt 54,6 điểm trong tháng 5, điều chỉnh tăng nhẹ từ 54,4 điểm theo khảo sát sơ bộ, song vẫn giảm so với 55,5 điểm của tháng 4 và đánh dấu tháng giảm điểm thứ 5 liên tiếp. Đây cũng là tháng đầu tiên giá trị đơn đặt hàng suy giảm trong gần 2 năm vừa qua, nguyên nhân chủ yếu do lạm phát đang ở mức quá cao. Nhà kinh tế trưởng của S&P Global Market Intelligence Chris Williamson nhận định, khu vực đồng Euro đang vật lộn với sự thiếu hụt nguồn cung và triển vọng kinh tế không chắc chắn. Eurozone nên thận trọng với những bước đi của mình trong cả đối nội và đối ngoại, tránh dẫn đến những hệ lụy nghiêm trọng không thể khắc phục.
- GDP tại Úc tăng trưởng tích cực trong quý đầu năm.** Văn phòng Thống kê Úc cho biết GDP của nước này tăng 0,8% q/q/ trong quý I/2022, sau khi tăng 3,6% ở quý trước đó, cao hơn mức tăng 0,6% theo kỳ vọng. So với cùng kỳ năm 2021, GDP của quý đầu năm 2022 tăng 3,3%. Các chuyên gia nhận định, mặc dù có những ảnh hưởng tiêu cực từ môi trường quốc tế, song kinh tế Úc vẫn đang cho thấy sự hồi phục rất tốt kể từ sau khi mở cửa trở lại đầu quý IV/2021. Điều này sẽ là động lực giúp NHTW Úc RBA thu hẹp CSTT nói lỏng để đối phó với lạm phát. Một số ý kiến cho rằng RBA có thể tăng LSCS từ 0,35% lên 0,60% trong tháng 6 (+25 điểm cơ bản), và sẽ tiếp tục tăng lên 1,60% trước khi kết thúc năm 2022.

### Lịch công bố các chỉ số kinh tế:

Ngày	Giờ VN	Mức độ ảnh hưởng	Chỉ số kinh tế	Kỳ này	Dự báo	Kỳ trước
01-06	8:30	***	GDP Úc qq Q1	0.8	0.6	3.4
01-06	21:00	***	PMI lĩnh vực sản xuất ISM Mỹ T5	56.1	54.4	55.4
01-06	21:00	***	Số cơ hội việc làm tại Mỹ T5	11.40M	11.29M	11.86M
02-06	8:30	*	Doanh số bán lẻ Úc mm T4		0.9	0.9
02-06	19:15	***	Số việc làm thay đổi khu vực phi nông nghiệp ADP Mỹ T5		295K	247K
02-06	19:15	**	Số đơn xin trợ cấp thất nghiệp lần đầu tại Mỹ we		210K	210K



VN-Index tăng nhẹ lên mức 1.299,52 điểm. Chỉ số nhiều khả năng sẽ kiểm nghiệm ngưỡng kháng cự 1.315 – 1.330 điểm trong các phiên sắp tới.

Ngưỡng hỗ trợ: 1.280 – 1.270

Ngưỡng kháng cự: 1.300 – 1.310

## NGÂN HÀNG TMCP HÀNG HẢI VIỆT NAM

TNR Tower, 54A Nguyễn Chí Thanh - Đống Đa - Hà Nội

ĐT: 04.3771 8989 - Ext: 6867

### TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU KINH TẾ

#### Những người thực hiện:

Nguyễn Nữ Hoài Ninh - Trưởng nhóm

Email: ninhnh1@msb.com.vn

Hoàng Thị Thu Trang - CVCC Phân tích

Email: trangtt5@msb.com.vn

Nguyễn Trường Giang - CV Phân tích

Email: giangnt12@msb.com.vn

Những thông tin trên đây được Trung tâm Nghiên cứu kinh tế, MSB thu thập từ những nguồn được coi là đáng tin cậy. Những thông tin này chỉ mang tính tham khảo và Trung tâm Nghiên cứu kinh tế không chịu trách nhiệm về bất cứ tổn thất nào gây ra do việc sử dụng những thông tin trên vào mục đích kinh doanh. Những thông tin trên có thể thay đổi do diễn biến của thị trường và Trung tâm Nghiên cứu kinh tế không có trách nhiệm phải thông báo về những sự thay đổi này.

Mọi ý kiến đóng góp, đăng ký hoặc rút tên khỏi danh sách nhận bản tin, xin Quý khách vui lòng liên hệ qua địa chỉ: [Research@msb.com.vn](mailto:Research@msb.com.vn)